

Bản án số: **06/2021/HS-ST**

Ngày: 23-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Linh

Thẩm phán: Ông Bùi Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lương Thị Diệu, chức vụ: Nguyên Phó Chủ tịch Hội nữ Doanh nhân tỉnh Bình Phước;

Ông Chung Nguyễn Hữu Thiện, chức vụ: Chuyên viên Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước;

Bà Lương Thị Xuyên, chức vụ: Ủy viên Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Bình Phước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Lực - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự thụ lý số 03/2021/HSST ngày 05 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1987 tại Hải Dương; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn 12, xã H, huyện R, tỉnh Bình Phước; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 07/12; con ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1965; vợ là Lê Thị X, sinh năm 1990; bị cáo có 02 người con, Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 2009 và Nguyễn Quang Tr2, sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/9/2017 đến ngày 04/12/2017 thực hiện biện pháp chữa bệnh bắt buộc.

Ngày 13/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra quyết định phục hồi điều tra. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/10/2020 cho đến nay. “Có mặt”.

+ *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T:* Luật sư Hồ Phương B - Văn phòng luật sư V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước. “Có mặt”.

+ *Bị hại:* Cháu Kiều Thị Thùy Tr, sinh ngày 26/9/2008; Trú tại: Thôn 12, xã H, huyện R, tỉnh Bình Phước. “Đề nghị xét xử vắng mặt”.

+ *Người đại diện hợp pháp của bị hại:* Bà Kiều Thị M, sinh năm 1988 (là mẹ ruột của cháu Tr); Trú tại: Thôn 12, xã H, huyện R, tỉnh Bình Phước. “Có mặt”

+ *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:* Ông Đặng Thái H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Phước. “Có mặt”

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1988; Trú tại: Thôn 12, xã H, huyện R, tỉnh Bình Phước. “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T và cháu Kiều Thị Thùy Tr, sinh ngày 26/9/2008 có mối quan hệ quen biết và ở cùng thôn với nhau. Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2017 đến ngày 04/9/2017, T đã nhiều lần thực hiện hành vi quan hệ tình dục với cháu Tr, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 17 giờ một ngày trong tháng 4/2017 (không xác định ngày cụ thể), T nảy sinh ý định giao cấu với cháu Tr nên dụ dỗ cháu Tr vào ngôi nhà hoang trong rẫy cao su nhà ông Hoàng Trọng T2 tại thôn 12, xã H, huyện R, tỉnh Bình Phước. T nói “cho chú hôn rồi chú cho tiền”, cháu Tr không nói gì, T dẫn cháu Tr vào căn phòng đầu tiên rồi cúi xuống hôn môi cháu Tr. Khoảng được 02 phút thì cháu Tr không cho hôn nữa, đòi về nên T cho Tr 10.000 đồng và chở cháu Tr về.

Lần thứ hai: Vào khoảng 17 giờ 30 phút một ngày trong tháng 5/2017 (không xác định ngày cụ thể), T chở cháu Tr vào lô cao su số 47 thuộc Nông trường 6 trên địa bàn thôn 12, xã H, huyện R, tỉnh Bình Phước. T đưa cháu Tr 10.000 đồng và nói Tr cởi quần ra. T bế cháu Tr ngồi lên yên xe rồi T cởi quần của mình xuống ngang đùi. T cầm dương vật đã cương cứng đút vào âm hộ của cháu Tr nhưng do âm hộ Tr còn nhỏ nên không đút sâu vào được. T lặp đi lặp lại hành vi trên khoảng 5 phút thì xuất tinh bên ngoài âm hộ cháu Tr. Sau đó, cháu Tr tự mặc quần, T kéo quần lên rồi chở cháu Tr về.

Lần thứ ba: Khoảng 17 giờ một ngày cuối tháng 5/2017 (không xác định ngày cụ thể), T chở Tr vào chòi căn nhà hoang trong rẫy cao su nhà ông T2 thuộc thôn 12, xã H, huyện R, tỉnh Bình Phước. T đưa cháu Tr 10.000 đồng và thực hiện hành vi giao cấu với cháu Tr tương tự như lần thứ 2.

Lần thứ tư: Khoảng 17 giờ một ngày trong tháng 7/2017 (không xác định ngày cụ thể), tại lô cao su số 47 thuộc Nông trường 6 trên địa bàn thôn 12, xã H, huyện R, tỉnh Bình Phước. T thực hiện hành vi giao cấu với cháu Tr tương tự như lần thứ 2.

Lần thứ năm: Khoảng 17 giờ, ngày 04/9/2017, T chở cháu Tr đến lô cao su số 46 thuộc Nông trường 6, thôn 12, xã H, huyện R, tỉnh Bình Phước. T đưa cháu Tr 10.000 đồng và thực hiện hành vi giao cấu với cháu Tr. Sau đó T chở cháu Tr về. Khi về về đến trước quán cà phê “C” ở thôn 12, xã H, huyện R, tỉnh Bình Phước thì gặp chị Kiều Thị M và anh Nguyễn Văn L (mẹ và cha dượng của cháu Tr). Mẹ của Tr nói T dừng xe để chở Tr về nhà. Thấy thái độ của cháu Tr sợ sệt

nên chị M gắng hỏi thì Tr kể lại toàn bộ sự việc. Sau đó T đến gặp cha mẹ cháu Tr thừa nhận hành vi quan hệ tình dục với Tr. Quá trình điều tra T đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 225/2017/TD ngày 11/9/2017 của Trung tâm giám định y khoa - pháp y tỉnh Bình Phước đối với cháu Kiều Thị Thùy Tr: “Màng trinh giãn, đường kính khoảng 1cm, không có vết rách, xung huyết màng trinh vị trí từ 7 giờ đến 10 giờ.

Vật chứng thu giữ:

+ Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ 01 (một) bộ quần áo trẻ em nữ màu vàng cam gồm quần đùi và áo sát nách, trên quần in hình con mèo, con cá, bông hoa và dòng chữ “BIG FISH”, trên áo thêu hình con mèo, con cá, bông hoa và dòng chữ “BIG FISH”;

+ 01 xe mô tô loại Dream II màu nâu không biển số, số khung 02384, số máy 002384.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị P mẹ của bị cáo T đã tự nguyện bồi thường số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) cho bà Kiều Thị M là mẹ của cháu Tr để khắc phục thiệt hại thay cho bị cáo T. Đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu gì thêm.

Tại Cáo trạng số 03/CTr-VKS-P2 ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Hiếp dâm trẻ em” theo quy định tại khoản 4 Điều 112 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo Cáo trạng số 03/CTr-VKS-P2 ngày 03 tháng 02 năm 2021 và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Hiếp dâm trẻ em” theo khoản 4 Điều 112 Bộ luật Hình sự năm 1999; Áp dụng khoản 4 Điều 112 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, q, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án từ 13 đến 14 năm tù; Về trách nhiệm dân sự: Bà Kiều Thị M là người đại diện hợp pháp của bị hại Kiều Thị Thùy Tr không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; Về xử lý vật chứng và các vấn đề khác đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định theo quy định của pháp luật.

- Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với quan điểm truy tố của đại diện Viện kiểm sát về tội danh đối với bị cáo. Tuy nhiên, cần xem xét thêm bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Luật sư cho rằng, ở lần đầu tiên, bị cáo mới chỉ hôn môi bị hại, sau đó do bị hại đòi về nên bị cáo đã chở bị hại về nhà, nên chưa đủ căn cứ xác định đây là hành vi hiếp dâm. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử bị cáo mức án từ 10 đến 11 năm tù là phù hợp để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

- Bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã truy tố đối với bị cáo và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Thống nhất với quan điểm truy tố của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và áp dụng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án nghiêm để có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại thống nhất với quan điểm truy tố của đại diện Viện kiểm sát về tội danh cũng như mức hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, cụ thể: Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2017 đến ngày 04/9/2017, lợi dụng việc cháu Tr còn nhỏ, nhận thức về việc quan hệ tình dục còn hạn chế, bị cáo đã 05 lần dụ dỗ cháu Tr đến nơi vắng người để thực hiện hành vi giao cấu nhằm thỏa mãn nhu cầu sinh lý cá nhân.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo thống nhất với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ được và kết luận giám định; đồng thời, phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có tại hồ sơ vụ án và được tranh tụng tại phiên tòa. Tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng lần đầu tiên bị cáo mới chỉ hôn bị hại nên chưa cấu thành tội phạm là không có cơ sở, bởi việc không thực hiện được hành vi đến cùng của bị cáo là do bị hại chống cự. Tại thời điểm giao cấu cháu Tr chưa đủ 13 tuổi (khi đó cháu Tr mới 08 tuổi 07 tháng). Hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Hiếp dâm trẻ em” theo quy định tại khoản 4 Điều 112 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Do đó, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo là người đã thành niên, trước khi phạm tội bị cáo có quan hệ quen biết với cha mẹ bị hại, nhưng để thỏa mãn nhu cầu sinh lý cá nhân, cùng với việc bị hại chưa đủ nhận thức về quan hệ tình dục và không thể tự vệ được, bị cáo đã cố tình nhiều lần giao cấu với bị hại. Sau khi thực hiện hành vi, bị cáo còn dụ dỗ bị hại bằng cách gửi lợi ích vật chất nhằm che giấu hành vi phạm tội của mình.

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về tình dục, danh dự, nhân phẩm của bị hại, gây bất bình trong dư luận xã hội. Do đó, cần xét xử bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo giao cấu với cháu Tr 05 lần thuộc tình tiết phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại; trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo có ông bà nội là người có công với cách mạng. Đây là tình tiết được quy định tại điểm b, p, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Người đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận được khoản bồi thường 50.000.000 đồng, nay không yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng của vụ án:

01(một) bộ quần áo trẻ em nữ màu vàng cam gồm quần đùi và áo sát nách, trên quần in hình cion mèo, con cá, bông hoa và dòng chữ “BIG FISH”, trên áo thêu hình con mèo, con cá, bông hoa và dòng chữ “BIG FISH”. Đây là vật chứng liên quan đến vụ án, là tài sản của bị hại do không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy;

01 xe mô tô loại Dream II màu nâu không biển số, số khung 02384, số máy 002384. Đây là vật chứng liên quan đến vụ án, là phương tiện phạm tội của bị cáo cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo về số lần thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như đề nghị mức hình phạt là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận; quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại tại phiên tòa là phù hợp, có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Không) phạm tội “Hiếp dâm trẻ em”.

Áp dụng khoản 4 Điều 112 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 06 tháng 9 năm 2017.

2. Về bồi thường thiệt hại: Người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xem xét giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bộ quần áo trẻ em nữ màu vàng cam gồm quần đùi và áo sát nách, trên quần in hình cion mèo, con cá, bông hoa và dòng chữ “BIG FISH”, trên áo thêu hình con mèo, con cá, bông hoa và dòng chữ “BIG FISH”.

+ Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô loại Dream II màu nâu không biển số, số khung 02384, số máy 002384.

4. Án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp cao tại TP.HCM (2)
- Viện KSND tỉnh Bình Phước; (P1,1)
- CSĐT - Công an tỉnh Bình Phước; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước; (1)
- PV 06 Công an tỉnh; (1)
- Cục THADS tỉnh Bình Phước; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam Công an tỉnh (1);
- Bị hại; (1)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Trợ giúp pháp lý (02);
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP; Tòa GD & NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Vũ Hoàng Linh